

**Đảng lãnh đạo xây dựng thương nghiệp
miền Bắc Việt Nam thời kỳ 1954-1965 : Luận
văn ThS / Lê Đình Tân ; Nghd. : PGS.NGND.
Lê Mậu Hãn . - H. : ĐHKHXH & NV, 2006 . -
99 tr. + Tóm tắt + đĩa mềm**

1. Lí do chọn đề tài.

Từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời cho đến nay, nền Thương nghiệp Việt Nam đã trải qua gần 60 xây dựng và phát triển. Trong quá trình đó, ngành Thương nghiệp đã có những đóng góp hết sức to lớn cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Tuy vậy, trong một khoảng thời gian dài, lĩnh vực lịch sử Thương nghiệp Việt Nam chưa được đầu tư nghiên cứu đúng mức. Nghiên cứu những thành tựu, hạn chế, ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm của quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng Thương nghiệp miền Bắc Việt Nam thời kỳ 1954-1965 không chỉ có ý nghĩa đóng góp về mặt khoa học lịch sử mà còn có ý nghĩa chính trị, thực tiễn cho công cuộc xây dựng và phát triển thương mại Việt Nam trong giai đoạn mới. Vì lí do đó nên tôi đã chọn đề tài ***Đảng lãnh đạo xây dựng Thương nghiệp Miền Bắc Việt Nam thời kỳ 1954-1965*** làm luận văn thạc sĩ sử học.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.

Qua tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề thương nghiệp đã qua, chúng tôi thấy có các công trình chính như sau: *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dân chủ cộng hoà*. NXB Giáo dục. H. 1963 của Lê Hữu Chính; *30 năm xây dựng và phát triển thương nghiệp XHCN Việt Nam 1951-1981*. H. 1981 của

Bộ Nội thương; *35 năm kinh tế Việt Nam. (1945-1980)*. H. 1980 của Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, do GS. Đào Văn Tập chủ biên; *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam* của GS. Nguyễn Mại; NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp. 1985; *Kinh tế thương nghiệp XHCN*. H. 1969 của Trường đại học Kinh tế kế hoạch (tức trường Đại học Kinh tế Quốc dân ngày nay); □ Công trình nghiên cứu có đề cập đến thương nghiệp thì có: *Lịch sử kinh tế Việt Nam (1945-2000)* của Đặng Phong ở Viện Kinh tế chủ biên □ Những công trình này đã khái quát được lịch sử phát triển của Thương nghiệp Việt Nam từ khi ra đời cho đến trước đổi mới. Riêng công trình nghiên cứu của Viện Kinh tế do Đặng Phong chủ biên đã trình bày khá rõ nét lịch sử Kinh tế nói chung và Thương nghiệp nói riêng. Nhưng công trình này không phải là công trình chuyên khảo nên lĩnh vực Thương nghiệp không được đầu tư nghiên cứu đúng mức. Nhìn chung là chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu, đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức xây dựng nền thương nghiệp miền Bắc Việt Nam của Đảng ta trong thời kì này □

3. Nguồn tài liệu của luận văn.

- Các tác phẩm lí luận kinh điển.
- Hệ thống văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh toàn tập; các bài viết, nói của các lãnh tụ...
- Các báo cáo, tổng kết lưu trữ tại trung tâm lưu trữ Quốc gia (chủ yếu là từ trung tâm lưu trữ Quốc gia III- Hà Nội) □
- Các công trình nghiên cứu liên quan trong và ngoài nước.
- Báo chí.
- Các tư liệu khác □

4. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn.

- *Mục đích nghiên cứu:*

+ Làm sáng tỏ bối cảnh và quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và tổ chức xây dựng nền Thương nghiệp miền Bắc thời kì 1954-1965 .

+ Thấy được các thành tựu và hạn chế của sự nghiệp đó.

+ Rút ra được các bài học kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp xây dựng nền Thương mại hiện nay.

- *Nhiệm vụ của luận văn:*

+ Phân tích và đánh giá một cách khoa học quá trình đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và thể hiện bằng chủ trương, nghị quyết về vấn đề xây dựng nền Thương nghiệp mới (1954-1965).

+ Trình bày quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức xây dựng Thương nghiệp Miền Bắc Việt Nam (1954-1965).

+ Qua nghiên cứu về chủ trương và tổ chức thực hiện sẽ cho chúng ta thấy được bước tiến triển, thành quả và hạn chế của Thương nghiệp miền Bắc Việt Nam thời kì 1954-1965. Từ đó rút ra các kinh nghiệm.

5. Giới hạn của luận văn.

- ***Đối tượng:*** Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng Thương nghiệp miền Bắc Việt Nam trong thời kì 1954-1965 về mặt chủ trương và tổ chức thực hiện.

- ***Phạm vi:*** Quá trình Đảng lãnh đạo và tổ chức xây dựng Thương nghiệp miền Bắc, trong đó chú trọng hơn đến lĩnh vực nội thương và ngoại thương trong giai đoạn khôi phục kinh tế, cải tạo và xây dựng CNXH ở miền Bắc trong thời kì 1954-1965.

6. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu.

- *Cơ sở lí luận:*

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở lí luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về kinh tế nói chung và thương nghiệp nói riêng.

- *Phương pháp nghiên cứu:*

Phương pháp lịch sử là phương pháp cơ bản, bên cạnh đó còn sử dụng các phương pháp logic, so sánh, đối chiếu... để xử lý tài liệu và xây dựng luận văn.

7. Bố cục của luận văn.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 03 chương :

Chương 1: Lãnh đạo khôi phục thương nghiệp miền Bắc giai đoạn 1954-1957.

Chương 2: Lãnh đạo cải tạo và phát triển thương nghiệp miền Bắc giai đoạn 1958-1960.

Chương 3: Lãnh đạo phát triển thương nghiệp XHCN miền Bắc giai đoạn 1961-1965.

Cụ thể:

Chương I: : Lãnh đạo khôi phục thương nghiệp miền Bắc giai đoạn 1954-1957

Chương này gồm có 2 mục

Mục 1. *Thực trạng Thương nghiệp miền Bắc và chủ trương của Đảng*

Mục 2 là *Tổ chức khôi phục và phát triển thương nghiệp*

Luận văn đã trình bày khái quát thực trạng thương nghiệp miền Bắc sau kháng chiến và vai trò của thương nghiệp trong khôi phục kinh tế. Trên cơ sở đó phân tích các chủ trương của Đảng chính sách của nhà nước. tựu trung lại là chính sách *quản lý nội thương, độc quyền ngoại thương. Nhiệm vụ cơ bản của công cuộc khôi phục thương nghiệp miền Bắc lúc đó là quản lý thị trường, bình ổn vật giá.* Luận văn cũng đã trình bày các thành tựu và hạn chế của quá trình đó.

Chương 2: Công cuộc cải tạo và xây dựng thương nghiệp miền Bắc giai đoạn 1958-1960

Chương này bao gồm 2 mục là *hoàn cảnh mới và chủ trương của Đảng; thực hiện cải tạo và phát triển thương nghiệp*.

Trong đó luận văn nêu lên các yêu cầu khách quan của công cuộc cải tạo XHCN đối với các thành phần thương nghiệp phi XHCN. Trình bày, phân tích và đánh giá các chủ trương của Đảng và chính sách của Đảng. Trên cơ sở các số liệu đã phân tích tình hình cải tạo, kết quả, hạn chế của công cuộc đó.

Chương 3: Lãnh đạo xây dựng thương nghiệp miền Bắc giai đoạn 1961-1965

Chương này gồm 2 mục là *chủ trương của Đảng và phát triển thương nghiệp*

Luận văn trình bày rõ các chủ trương của Đảng và chính sách của nhà nước về việc thực hiện kế hoạch nhfa nước năm năm trên ãnh vực thương gnhiệp. Trong đó nhấn mạnh đến vai trò của việc phát triển và kiện toàn hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã, việc quản lí và tổ chức thị trường tự do... Đồng thời phân tích rõ hơn về tình hình ngoại thương để thấy rõ nét hơn sự lệ thuộc và mất cân đối của nền kinh tế quốc dân nói chung cũng như nền thương nghiệp miền Bắc nói riêng.

KẾT LUẬN

Cuộc kháng trường kì kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm (1945-1954) đã giành thắng lợi. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Thực tiễn đó đặt ra cho miền Bắc một nhiệm vụ hết sức nặng nề là phải nhanh chóng xây dựng và phát triển để biến miền Bắc trở

thành một căn cứ địa cho cách mạng cả nước. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về việc xây dựng một nền thương nghiệp miền Bắc cũng đặt ra bức thiết.

Nghiên cứu sự lãnh đạo, chỉ đạo 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng thương nghiệp miền Bắc thời kì 1954-1965 ta thấy sự nghiệp đó đã thu được một số kết quả nhất định.

Mở đầu bằng kế hoạch 3 năm khôi phục thương nghiệp sau chiến tranh bước đầu thu được những kết quả tích cực. Sau chiến tranh, nền kinh tế miền Bắc nói chung và thương nghiệp nói riêng đứng trước nhiều vấn đề khó khăn cần giải quyết. Mặc dù lúc bấy giờ, nền thương nghiệp vùng giải phóng đã có 9 năm xây dựng và phát triển nhưng nhìn chung vẫn là một nền thương nghiệp nặng về tự cung tự cấp, phục vụ chiến tranh. Trong khi đó, thương nghiệp vùng mới giải phóng vốn là sản phẩm của nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến, hoàn toàn lệ thuộc vào nền thương nghiệp nghiệp chính quốc. Hoàn cảnh đó đặt ra cho Đảng ta phải có một đối sách mới để nhanh chóng khôi phục, ổn định và phát triển nền thương nghiệp đáp ứng tính hình mới.

Trước yêu cầu đó, mở đầu bằng hội nghị trung ương lần thứ 6 vào ngày 15 tháng 7 năm 1954 bàn về một loạt các vấn đề quan trọng, trong đó có vấn đề khôi phục và phát triển một nền thương nghiệp trong tình hình mới, chúng ta đã bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển nền thương nghiệp miền Bắc sau chiến tranh (1954-1957).

Đường lối của Đảng đã tạo nên những thay đổi lớn cho thương nghiệp. Kết quả lớn nhất thu được trong giai đoạn này là bình ổn được giá cả các mặt hàng chính (đặc biệt là gạo) và thống nhất được thị trường. Kết quả đó sẽ là cơ sở cho việc thực hiện các kế hoạch tiếp theo.

Bước sang giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), sau 3 năm khôi phục, vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Đảng ta đã tiến hành thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi quốc doanh. Kế hoạch này nhằm nhanh chóng biến nền thương nghiệp miền

Bắc chỉ còn hai thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể. Điều đó đồng nghĩa với việc thủ tiêu hoàn toàn sự phát triển của thương nghiệp tự do. Kết quả thu được sau 2 năm cải tạo là về cơ bản, thương nghiệp phi quốc doanh đã bị thủ tiêu, mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã đã kiểm soát về cơ bản nền thương nghiệp quốc dân.

Như vậy, cùng với việc khôi phục thương nghiệp sau chiến tranh và tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tạo nên sự ổn định cho việc đẩy mạnh các kế hoạch tiếp theo, trước hết là việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm năm lần thứ nhất (1961-1965).

Kế hoạch nhà nước năm năm lần thứ nhất (1961-1965) là sự cụ thể hoá các quan điểm của Đại hội III của Đảng ta (9-1960) trên các lĩnh vực trong đó có thương nghiệp. Kế hoạch này thể hiện mong muốn lớn của Đảng và nhân dân ta muốn nhanh chóng biến miền Bắc nước ta từ một nền nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu trở thành một nước công nghiệp hiện đại, đáp ứng không chỉ cho yêu cầu của miền Bắc mà còn đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam.

Kế hoạch này hoàn thành trước 9 tháng với nhiều kết quả thu được vượt chỉ tiêu. Trên lĩnh vực thương nghiệp, chúng ta đã xây dựng một nền thương nghiệp với hai thành phần cơ bản là mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã nắm vai trò chủ đạo. Thương nghiệp quốc doanh đã thực hiện tốt việc lưu thông hàng hoá, thúc đẩy sản xuất phát triển, góp phần cải thiện đời sống nhân dân; hình thành thị trường tập trung thống nhất; tăng cường quan hệ với các nước XHCN; với các nước trên thế giới trên lĩnh vực thương nghiệp cũng như các lĩnh vực khác nhằm tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của họ đối với sự nghiệp xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà của chúng ta□

Những kết quả thu được đã góp phần giúp miền Bắc thực hiện tốt vai trò *hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam*.

Tuy vậy, quá trình đó cũng đã bộc lộ rất nhiều hạn chế.

Trước hết là về chủ trương của Đảng. Từ hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 6 (7-1954) cho đến hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 10 (10-1964), Đảng ta đã thể hiện một cách toàn quan điểm của mình về công cuộc xây dựng và phát triển nền thương nghiệp miền Bắc thời kì này. Những nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban bí thư ra đời trong từng hoàn cảnh cụ thể đã thể hiện trách nhiệm to lớn của Đảng đối với sự nghiệp đó. Tuy nhiên, trong các chủ trương đã thể hiện một quan điểm hết sức chủ quan nóng vội, đốt cháy giai đoạn trong một loạt các vấn đề. Những quan điểm đó không xuất phát từ yêu cầu của tình hình thực tiễn mà dựa trên sự chủ quan duy ý chí muốn nhanh chóng xác lập quyền kiểm soát nền thương nghiệp của mậu dịch quốc doanh, thủ tiêu các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Đó là những quan điểm hết sức sai lầm. Sai lầm này bắt nguồn từ sự nhận thức và vận dụng các luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy thế, đây không đơn giản chỉ là do nhận thức của Đảng ta mà còn phản ánh tư duy tả khuynh, nóng vội của các đảng cộng sản lúc bấy giờ.

Từ nhận thức sai lầm đã dẫn đến việc chỉ đạo sai lầm. Từ các chủ trương của Đảng, Chính phủ đã tiến hành công cuộc xây dựng và phát triển nền thương nghiệp miền Bắc trong thời kì mới. Tuy nhiên, trải qua 3 kế hoạch từ khôi phục, cải tạo đến việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm năm lần thứ nhất (1961-1965) đều không mang lại thành quả như mong muốn. Thậm chí, những dấu hiệu về sự khủng hoảng, mất cân đối nghiêm trọng trong nền thương nghiệp miền Bắc đã bộc lộ rõ nét. Đặc biệt là vào giai đoạn cuối, việc thương nghiệp quốc doanh làm ăn ngày càng kém hiệu quả, chịu sự cạnh tranh, chi phối ngược của thương nghiệp tư doanh càng chứng tỏ sự kém hiệu quả của cách thức quản lí cũng như sự sai lầm nghiêm trọng trong chủ trương của Đảng. Những thiếu sót đó đã làm hạn chế những kết quả đã đạt được trên lĩnh vực thương nghiệp trong 10 năm đó.

Từ những kết quả đạt được và những hạn chế, có thể rút ra được các bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng và phát triển nền thương nghiệp miền Bắc thời kì này cũng như trong sự nghiệp xây dựng nền thương nghiệp Việt Nam hiện nay.

Bài học kinh nghiệm thứ nhất là trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng ta cần xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, tôn trọng thực tiễn trước khi đề ra các chủ trương, chính sách mới. Về mặt nguyên tắc, các Đảng lãnh đạo là nhận thức quy luật và phản ánh nhận thức đó vào trong các Cương lĩnh hoặc nghị quyết để hành động đúng theo quy luật. Trong thời kì này, các nghị quyết của Đảng ta luôn xem việc thực hiện xây dựng nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đồng thời xoá bỏ thương nghiệp tư bản tư doanh là yêu cầu *tất yếu*. Trên thực tế, việc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội là việc cần thiết, cải tạo xã hội chủ nghĩa cũng là việc nên làm song không phải đơn giản bằng vài kế hoạch ngắn hạn như vậy. Vấn đề này không chỉ sai lầm nghiêm trọng trong chủ trương mà cả trong chỉ đạo thực hiện. Điều này đã vi phạm nghiêm trọng các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kì quá độ, tất yếu phải chấp nhận sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế và đa hình thức sở hữu. Trong khi đó, ngay kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế ngay sau chiến tranh (1954-1957), Đảng ta đã chủ trương từng bước hạn chế đi đến xoá bỏ sự tồn tại của các thành phần đó. Điều này đã đi ngược lại yêu cầu của thực tiễn. Chính vì thế, có thể thấy rằng, thực tiễn là điểm xuất phát nhưng cũng chính là đích kiểm nghiệm đường lối chủ trương của Đảng lãnh đạo. Những luận thuyết cho rằng việc triệt tiêu các thành phần kinh tế thương nghiệp phi quốc doanh là *tất yếu* chẳng qua là sự nguy hiểm cho tư duy tả khuynh, duy ý chí.

Bài học kinh nghiệm thứ hai là tổ chức và quản lí hiệu quả hệ thống thương nghiệp quốc doanh.

Có thể do các chủ trương nóng vội, duy ý chí của Đảng ta trong thời kì đó mà những kết quả thu được trên lĩnh vực thương nghiệp bị hạn chế nhiều. Tuy nhiên, một vấn đề cần nhấn mạnh là trong quá trình quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội thì việc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội là một yêu cầu tất yếu. Vấn đề là, cần phải có các chủ trương vừa tầm, bước đi phù hợp. Hệ thống mậu dịch quốc doanh trong 10 năm xây dựng và phát triển thương nghiệp miền Bắc mặc dù có nhiều sai lầm thiếu sót song những đóng góp của nó không phải là nhỏ. Vì thế, nếu có những chủ trương đúng đắn phù hợp, mậu dịch quốc doanh nói riêng và thương nghiệp quốc doanh nói chung có thể thực hiện tốt hơn vai trò của nó đối với nền thương nghiệp cũng như nền kinh tế.

Nhưng mặt khác cũng phải thấy rằng, việc xác lập vai trò của thương nghiệp quốc doanh với nền thương nghiệp không phải chỉ xuất phát từ các chính sách mang tính chất hành chính. Mậu dịch quốc doanh muốn kiểm soát được nền thương nghiệp thì phải chứng tỏ được khả năng và hiệu quả thực sự trong kinh doanh và các hoạt động kinh tế. Nếu trong quá trình cạnh tranh bình đẳng, với các cách thức và bước đi phù hợp, mậu dịch quốc doanh nói riêng cũng như các công ty nhà nước nói chung chiếm được ưu thế thực sự thì việc chi phối nền thương nghiệp và kinh tế cũng là một điều bình thường. Vì thế, việc tổ chức và quản lí hiệu quả hệ thống thương nghiệp quốc doanh vừa có thể từng bước xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội đồng thời qua thực tiễn, thương nghiệp quốc doanh sẽ từng bước trưởng thành và nắm lấy quyền lãnh đạo thương nghiệp quốc dân với đúng thực lực của nó.

Bài học kinh nghiệm thứ ba là tổ chức tốt và phát huy vai trò của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu thương.

Trong thời kì quá độ đồng thời vừa phải xây dựng sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội đồng thời phải tôn trọng và chấp nhận sự tồn tại nền kinh tế

nhiều thành phần, đa hình thức sở hữu. Thực tiễn đã cho thấy rằng, trong 10 năm xây dựng và phát triển nền thương nghiệp miền Bắc (1954-1965), bên cạnh mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã, thương nghiệp tư bản tư doanh cũng đã có những sự tăng trưởng nhất định và đóng góp cho kết quả chung của nền thương nghiệp quốc dân. Điều đặc biệt là, trong thời kì đó, thương nghiệp tư bản tư doanh của các nhà tư sản hay tiểu thương đều bị chính sách của nhà nước o ép. Thế nhưng, trong sự cạnh tranh bất bình đẳng đó, thương nghiệp tư bản tư doanh vẫn có thể phát triển được. Đó thực sự là một sức sống hết sức mạnh mẽ. Khi tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đã thấy một kiểu tồn tại *cộng sinh* (Symbiosis) của nền thương nghiệp tư bản tư doanh với nền thương nghiệp quốc doanh. Đây thực tế là một hiện tượng trong quá trình tồn tại và phát triển của nền thương nghiệp miền Bắc thời kì đó. Đáng lẽ ra, với các chủ trương và chính sách triệt tiêu của nhà nước thì đối tượng này phải bị xoá bỏ, thế nhưng một mặt do sức sống của bản thân nó, mặt khác do chính sự làm ăn kém hiệu quả của thương nghiệp quốc doanh làm cho thương nghiệp tư bản tư doanh vẫn còn cơ hội để phát triển. Điều lạ là đến một chừng mực nào đó, thương nghiệp tư bản tư doanh mặc dù không được thừa nhận nhưng lại có tác động ngược trở lại các chủ trương và chính sách của Đảng và nhà nước như chế độ *giá khuyến khích*, *bán thưởng*. Thương nghiệp tư bản tư nhân vẫn dai dẳng tồn tại trong suốt 10 năm đó.

Chính vì thế, nếu như Đảng và nhà nước ta có chính sách đúng đắn, tổ chức và phát huy được vai trò của giai cấp tư sản và tiểu thương trong quá trình xây dựng nền thương nghiệp lúc bấy giờ thì chắc chắn sẽ giải phóng được nhiều hơn nữa sức sản xuất của các thành phần kinh tế.

Hiện nay, tỷ trọng của thương mại dịch vụ ngày càng tăng và có ý nghĩa lớn đối với sự ổn định và phát triển nền kinh tế. Chính vì vậy, phát huy sức mạnh của khối tư nhân trên lĩnh vực thương mại dịch vụ là một vấn đề hết sức cần thiết. Kinh tế nhà nước chỉ nên nắm những lĩnh vực, những

ngành then chốt, vì thế, đây là cơ hội cho thương nhân Việt Nam có điều kiện phát triển. Thế nên, trong chủ trương và chính sách tổng thể nhằm xây dựng và phát triển một nền thương mại Việt Nam hiện đại cần phải nhìn nhận đánh giá và sử dụng đúng đội ngũ này để có thể tận dụng sức mạnh của họ cho sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Bài học kinh nghiệm thứ tư là không ngừng tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế, xây dựng nền thương nghiệp Việt Nam hiện đại theo hướng giải quyết các vấn đề của nền kinh tế đặt ra cũng như chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong 10 năm đó, hợp tác kinh tế quốc tế của chúng ta đã có những thành quả nhất định. Tuy nhiên, cũng chính thực tiễn đó đã cho thấy nhiều vấn đề cần phải khắc phục.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, nhìn chung chúng ta chưa có một nền ngoại thương thực sự. Buôn bán mang *tính chất* là ngoại thương chỉ với vùng tạm chiếm và Trung Quốc sau năm 1950. Sau chiến tranh, ngoại thương trong nền thương nghiệp miền Bắc đã có sự thay đổi lớn. Bây giờ chúng ta chia thế giới làm ba dạng: một là các nước XHCN, hai là các nước dân tộc chủ nghĩa và ba là các nước tư bản chủ nghĩa. Trong đó, tất nhiên ưu tiên số một là đối với các nước XHCN trong khối SEV mà chúng ta là thành viên. Các quan hệ kinh tế đối ngoại khác hầu như không có vì nhiều lí do nhưng chủ yếu là sự đụng đầu mang tính ý thức hệ của hai hệ thống chính trị và hai khối Đông-Tây.

Tuy thế, trong quá trình buôn bán với chính các nước XHCN, ta vẫn mang tâm lí nhược tiểu; ngoại thương chủ yếu tiếp nhận viện trợ chứ không phải xuất phát từ nhu cầu hay sự phát triển của bản thân nền kinh tế Việt Nam. Nhập siêu là phổ biến. Tình trạng đó kéo dài đã làm cho nền thương nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung của chúng ta lệ thuộc nhiều vào nguồn

viện trợ của các nước bạn. Điều đó là một điều bất bình thường của nền kinh tế.

Vì vậy, rõ ràng muốn xây dựng nền thương nghiệp tự chủ thì phải xuất phát từ một nền kinh tế-chính trị tự chủ. Đồng thời, bản thân thương nghiệp cũng phải phát huy tính chủ động sáng tạo của mình để một mặt tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước nhưng đồng thời cũng phải góp phần tạo nên động lực cho sự phát triển nền thương nghiệp và nền kinh tế quốc dân.

Ngày nay, thị trường của chúng ta không còn giới hạn về chế độ chính trị hay các chế ước khác. Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu của các quốc gia. Vì thế, việc chủ động hội nhập với một vị thế bình đẳng quốc gia trên cơ sở tôn trọng và hai bên cùng có lợi là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện việc hợp tác kinh tế quốc tế trở nên thực chất.

Tóm lại, trong 10 năm xây dựng và phát triển, nền thương nghiệp miền Bắc đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Thắng lợi đó không chỉ có ý nghĩa trên lĩnh vực thương nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với cả nền kinh tế quốc dân nói chung; không chỉ có ý nghĩa đối với nhân dân miền Bắc mà còn đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, thống nhất đất nước. Trong quá trình đó, không thể tránh khỏi những thiếu sót sai lầm. Những vấn đề đó, chính là bài học kinh nghiệm quý báu cho Đảng và nhân dân ta trong quá trình xây dựng và phát triển một nền thương nghiệp Việt Nam hiện đại trong giai đoạn hiện nay.